

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

18.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/03/2019	Số đầu năm
Tiền mặt	(*)	109,357,656	848,936,681
Tiền gửi ngân hàng	(**)	439,994,814	547,220,222
Các khoản tương đương tiền		117,720,000	117,720,000
Cộng		667,072,470	1,513,876,903
(*) Bao gồm:		31/03/2019	Số đầu năm
- Tiền mặt tại XN Phú Viên		29,377,853	58,249,885
- Tiền mặt tại XN Kho Vận		59,685	59,085
- Tiền mặt tại VP Công ty		79,920,118	790,627,111
Cộng		109,357,656	848,936,081

(**) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 3,539.00 USD tương đương với 80.338.907 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2019	Số đầu năm
3. Phải thu của khách hàng	31/03/2019	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Đông Á Sài Gòn	957,600,000	957,600,000
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật An Hưng Phát	177,933,248	177,933,248
- Công ty TNHH Thương mại Bách Tùng	2,046,964,389	2,046,964,389
- Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Mộc Đức	5,095,422,443	5,095,422,443
- Công ty Cổ phần PPT Land	990,000,000	990,000,000
- Công ty TNHH Olympus Capital Real Estate Management		750,000,000
- Các khách hàng khác	158,076,838	72,863,838
Cộng	9,425,996,918	10,090,783,918
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Định Phong	33,279,923,622	34,846,724,579
- Công ty TNHH TM Khôi Long	443,143,971	443,143,971
- AI Gasr International For Import And Export	8,335,814,068	8,335,814,068
- Các khách hàng khác	863,571,701	863,571,701
Cộng	42,922,453,362	44,489,254,319
4. Trả trước cho người bán	31/03/2019	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	2,198,531,600	2,198,531,600
- Trả trước cho các nhà cung cấp khác	993,032,868	894,032,868
Cộng	3,191,564,468	3,092,564,468
b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Hoàng Đạo	30,271,975,287	30,271,975,287
- Nguyễn Văn Hiệp	106,332,975	106,332,975
- Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	2,790,428,508	2,790,428,508
- Cơ sở kinh doanh Lê Thị Lệ Chiểu	4,690,491,475	4,690,491,475
- Trả trước cho các nhà cung cấp khác	1,350,741,682	1,350,741,682
Cộng	39,209,969,927	39,209,969,927
(*) Các khoản trả trước này đã trích lập dự phòng 100%.		
5. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/03/2019	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Vật tư Xuất Nhập khẩu Tân Bình	(**) 35,967,138,802	36,905,715,752
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông	(***) 200,000,000,000	200,000,000,000
- Công ty TNHH Thương mại DV Mộc Đức	(****) 1,100,000,000	1,100,000,000
Cộng	237,067,138,802	238,005,715,752

(*) Bao gồm các Hợp đồng

- Hợp đồng cho Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình mượn số 1006/HĐVV/SeaprodexSG-Tamexim/2014 ngày 10/6/2014 và các phụ lục hợp đồng với số dư tiền cho mượn đến 31/03/2019 là **35.967.138.802 đồng**, thời hạn cho mượn đến ngày 31/12/2019, lãi suất cho mượn 8%/năm.

(***) Hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông vay số 1011/HĐVV/2016 ngày 10/11/2016 với số tiền cho vay **200.000.000.000 đồng**, Thời hạn cho vay đến 31/12/2019, lãi suất cho vay 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(****) Hợp đồng cho Công ty TNHH TMDV Mộc Đức vay số 1511/HĐV/2016 ngày 15/11/2016 với số tiền cho vay đến 30/06/2017 1.100.000.000 đồng. Thời hạn cho vay đến 30/06/2019, lãi suất cho mượn 12%/năm.

7. Phải thu khác	31/03/2019		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty Cổ phần Công nghiệp Toda	3,035,379,211	(3,035,379,211)	3,035,379,211	(3,035,379,211)
- Phải thu lãi từ hợp tác đầu tư				
<i>Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến</i>	6,637,915,625	-	6,637,915,625	-
<i>Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình</i>	3,947,932,763		3,947,932,763	
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông</i>	4,498,312,580		4,498,312,580	
- Phải thu lãi cho vay				
<i>Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình</i>	4,680,403,993	-	4,254,457,370	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông</i>	39,638,888,889		35,638,888,889	
<i>Công ty TNHH TM DV Mộc Đức</i>	308,566,666		275,566,666	
- Phải thu tiền mượn của Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	1,990,392,155		1,990,392,155	
- Phải thu Công ty Cổ phần TM và DL Sài Gòn	10,000,000,000	-	10,000,000,000	(5,000,000,000)
- Công ty CP Everland	8,673,340,473	-	8,673,340,473	-
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	1,853,419,641		1,853,419,641	
- Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (a)	500,000,000	(500,000,000)	500,000,000	(500,000,000)
- Công ty TNHH MTV Thanh Niên Bình Định	7,500,000,000		7,500,000,000	
- Phải thu Công ty CP giống gia cầm Miền Nam (b)	14,000,000,000		14,000,000,000	
- Ký quỹ ngắn hạn	441,000,000	(20,000,000)	441,000,000	(20,000,000)
- Các khoản tạm ứng	1,159,455,560	(203,627,621)	912,987,460	(203,627,621)
- Phải thu khác	703,447,954	(16,519,500)	410,052,780	(16,519,500)
Cộng	109,568,455,510	(3,775,526,332)	104,569,645,613	(8,775,526,332)

(a) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, Công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VND cho Ông Phạm Nguyên Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời từ khoản đầu tư của Công ty.

(b) Khoản tiền ứng trước theo hợp đồng hứa mua, hứa bán số 001-2016/HĐH-TĐT/SEA-GGC về việc nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 20 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng 20.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dài hạn

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư				
Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến (a)	305,250,000,000	-	305,250,000,000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông (b)	225,837,800,000		225,837,800,000	
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình (c)	199,912,200,000		199,912,200,000	
- Phải thu khác	476,108,238	(476,108,238)	476,108,238	(476,108,238)
Cộng	731,476,108,238	(476,108,238)	731,476,108,238	(476,108,238)

'(a) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HDHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 305.520.000.000 VND để Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Nam Tiến với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, q. Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 19 tháng 01 năm 2020 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng.

'(b) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-2/HDHT/SEA-SAICOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 225.837.800.000 VND để Công ty cổ phần Xây Dựng Bưu chính Viễn Thông với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 04 tháng 04 năm 2020 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng.

'(c) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HDHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 199.912.200.000 VND để Công ty cổ phần vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 03 tháng 04 năm 2018 và có thể được thương lượng đàm phán để gia hạn hợp đồng.

8. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/03/2019	Số đầu năm
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Định Phong	(*) 2,288,788,920	2,288,788,920
Cộng	2,288,788,920	2,288,788,920
- Dự phòng phải thu khó đòi	(2,288,788,920)	(2,288,788,920)
Giá trị thuần	-	-

(*) Bao gồm giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 đồng, gửi tại kho Tân Định Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này (công ty này đã bỏ trốn). Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi.

9. Nợ xấu

a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2019		Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	5,405,326,082		5,101,054,960	
- Trả trước người bán	344,000,000		344,000,000	
- Phải thu khác	11,301,898,711	-	10,551,898,711	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	2,288,788,920		2,288,788,920	
- Tạm ứng	203,627,621	-	203,627,621	-
- Cầm cố thế chấp ký quỹ ngắn hạn	20,000,000	-	20,000,000	-
Cộng	19,563,641,334	-	18,509,370,212	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	44,489,254,319		44,489,254,319	
- Trả trước người bán	39,209,969,927	-	39,209,969,927	-
- Phải thu khác	476,108,238	-	476,108,238	-
	84,175,332,484	-	84,175,332,484	-

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	1,794,851,696	12,462,121,182	104,986,750	14,361,959,628
Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	1,794,851,696	12,462,121,182	104,986,750	14,361,959,628
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	1,760,199,256	3,459,529,109	104,986,750	5,324,715,115
Tăng trong năm	15,458,698	356,610,860	-	372,069,558
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	1,775,657,954	3,816,139,969	104,986,750	5,696,784,673
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	34,652,440	9,002,592,073	-	9,037,244,513
Tại ngày cuối năm	19,193,742	8,645,981,213	-	8,665,174,955

11. Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)

	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/03/2019
Nguyên giá	264,747,900	-	-	264,747,900
Hao mòn lũy kế	264,747,900	-	-	264,747,900
Giá trị còn lại	-	-	-	-

12. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2019	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(*) 28,221,525,561	28,219,525,561
Cộng	28,221,525,561	28,219,525,561

(*) Chi phí liên quan đến xây dựng dự án khu dân cư tại số 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM.

13. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4,847,240,000	983,238,000	(3,864,002,000)	4,847,240,000	983,238,000	(3,864,002,000)
Bao gồm:		Số lượng	Đơn giá mua	Trị giá đầu tư	Giá trị dự phòng	
Công ty niêm yết						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		65,610	67,770	4,446,420,000	(3,518,187,400)	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty chưa niêm yết				
(*) - Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	82	10,000	820,000	
(*) - Công ty CP TM Vàng Bạc Đá quý Phương Nam	10,000	40,000	400,000,000	(345,814,600)
Cộng			4,847,240,000	(3,864,002,000)
14. Tài sản dài hạn khác				
Chi phí khác			31/03/2019	Số đầu năm
			19,279,567,609	19,313,795,479
Cộng			19,279,567,609	19,313,795,479
15. Phải trả người bán ngắn hạn				
			31/03/2019	Số đầu năm
- Công ty TNHH Ánh Dương Construction			439,035,196	439,035,196
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM			1,731,818,185	
- Commodities International Inc			1,485,247,379	1,485,247,379
- Các nhà cung cấp khác			1,239,570,543	1,239,570,543
Cộng			4,895,671,303	3,163,853,118
16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
			31/03/2019	Số đầu năm
Người mua đặt cọc mua căn hộ Centa Park			48,014,393,341	52,237,082,341
Các khách hàng khác			276,863,286	42,550,286
Cộng			48,291,256,627	52,279,632,627
17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Phải nộp	-	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	
- Thuế GTGT	37,326,575	9,363,637	(38,189,338)	8,500,874
- Thuế TNDN	2,000,492,368	158,287,666		2,158,780,034
- Thuế TNCN	452,548,380	42,000,000		494,548,380
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	972,958,638	225,872,908		1,198,831,546
- Thuế khác		6,000,000	(6,000,000)	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế				-
Cộng	3,463,325,961	441,524,211	(44,189,338)	3,860,660,834
18. Chi phí phải trả ngắn hạn				
			31/03/2019	Số đầu năm
- Phí môi giới, marketing cho Dự án Centa Park			12,345,552,261	12,345,552,261
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM				1,712,727,276
- Lãi vay phải trả			936,345,066	928,661,819
- Chi phí phải trả khác			15,000,000	15,000,000
Cộng			13,296,897,327	15,001,941,356
19. Vay và nợ thuê tài chính				
a) Vay ngắn hạn	Số đầu năm	Tăng	Giảm	31/03/2019
- VP Bank	4,583,833,318		310,800,003	4,273,033,315
- Cá nhân khác				-
Cộng	4,583,833,318	-	310,800,003	4,273,033,315

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Vay dài hạn

Quỹ hỗ trợ phát triển - CN Hà Nội (**)	251,301,475	-	15,000,000	236,301,475
--	-------------	---	------------	-------------

(**) Khoản vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Hà Nội phát sinh tại xí nghiệp Phú Viên nhằm đầu tư sửa chữa ô bể churop, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm.

20. Phải trả ngắn hạn khác	31/03/2019	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN	24,484,434	179,850,699
- Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm cổ phần hóa	81,480,250	81,480,250
- Lãi chậm nộp thuế	3,742,618,763	3,742,618,763
- Cổ tức còn phải trả	1,918,980,093	1,918,980,093
- Phải trả các khoản tiền mượn	70,173,518,537	65,373,518,537
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land	63,970,000,000	59,170,000,000
+ Công ty CP Thanh Niên	2,101,096,166	3,249,231,798
+ Các đối tượng khác	6,203,518,537	6,203,518,537
- Khoản nhận vốn góp Hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến dự án Centa Park 678 Âu Cơ, P14, Q. TB (a)	500,282,105,040	500,282,105,040
- Phải trả tiền liên quan đến việc mua bán tài sản	500,000,000	500,000,000
- Khoản phải trả Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam liên quan đến lãi của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (b)	18,092,666,666	18,084,666,666
- Phải trả liên quan đến việc nhận giữ chỗ mua căn hộ	2,846,847,200	2,846,847,200
- Các khoản phải trả khác	1,250,103,005	1,063,772,754
Cộng	601,013,900,154	597,323,071,800

(a) Theo Hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18/08/2016 giữa Công ty và Công ty CP TM DV và Xây dựng về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình. Công ty góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính 500.000.000.000 đ, Công ty CP TM DV và Xây dựng sẽ góp vốn bằng tiền 500.000.000.000 đ. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn dự án.

(b) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03/08/2015 giữa Công ty và Công ty CP - Tổng công ty Dầu tơ tầm Việt Nam. Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất tại 1534 Võ Văn Kiệt, P7, Q6, lợi nhuận cố định 12%/năm. Công ty CP - Tổng công ty Dầu tơ tầm Việt Nam góp 14.000.000.000 đ, lãi hợp tác kinh doanh là 4.092.666.666 đ

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
Vốn góp của chủ sở hữu	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,036,422,286	656,984,993		54,693,407,279
Cộng	450,967,886,526	656,984,993	-	451,624,871,519
	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/03/2019
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,693,407,279	329,539,808		55,022,947,087
Lợi ích cổ đông đồng kiểm soát				-
Cộng	451,624,871,519	329,539,808	-	451,954,411,327

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn góp thực tế đến 31/03/2019	
	Số tiền	Tỷ lệ
(*) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu		
- Trần Minh Tính	31,790,900,000	8.03%
- Nguyễn Nhân Kiệt	136,300,000,000	34.42%
- Nguyễn Trọng Trí	32,000,000,000	8.08%
- Nguyễn Lê Phan	21,556,000,000	5.44%
- Hàn Hồng Hạnh	19,765,000,000	4.99%
- Nguyễn Thị Vy Phương	19,620,000,000	4.95%
- Nguyễn Khải Hưng	19,000,000,000	4.80%
- Các cổ đông khác	115,968,100,000	29.28%
Cộng	396,000,000,000	100%
b) Cổ phiếu	31/03/2019	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,600,000	39,600,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>
Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại:	31/03/2019	Số đầu năm
- USD	3,549.99	3,555.49

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho, văn phòng,...)	3,232,830,124	5,331,447,320
Cộng	3,232,830,124	5,331,447,320
2. Giá vốn hàng bán	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
- Giá vốn dịch vụ	1,714,733,412	1,524,545,452
Cộng	1,714,733,412	1,524,545,452
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I năm 2019	Quý I năm 2018
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4,765,681,199	4,866,846,731
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá	9,261	
- Lãi từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh		6,794,377,162
Cộng	4,765,690,460	11,661,223,893

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
- Chi phí lãi vay	133,559,068	169,518,920
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		891
- Chi phí hợp tác đầu tư		420,000,000
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Cộng	133,559,068	589,519,811
5. Chi phí bán hàng	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
- Chi phí nhân viên quản lý	1,398,574,494	2,139,504,974
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng		
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346,906,908	346,906,908
- Thuế, phí và lệ phí	202,173,411	124,433,632
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1,054,271,122	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,170,069,935	1,956,274,474
Cộng	4,171,995,870	4,567,119,988
7. Thu nhập khác	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
8. Chi phí khác	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
- Thù lao HDQT và BKS	87,000,000	84,000,000
- Phạt vi phạm hợp đồng	1,403,404,760	2,921,764,745
- Lãi chậm nộp thuế		20,000,000
Cộng	1,490,404,760	3,025,764,745
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	487,827,474	7,285,721,217
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Tổng thu nhập kế toán trước thuế	487,827,474	7,285,721,217
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>303,610,857</i>	<i>320,610,857</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	791,438,331	7,606,332,074
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính năm trước mang sang		
Thu nhập tính thuế	791,438,331	7,606,332,074
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	158,287,666	1,521,266,415
Tổng thuế TNDN phải nộp	158,287,666	1,521,266,415

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

2. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

- Các bên liên quan

+ Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến có người đại diện theo pháp luật là cổ đông lớn của Công ty.

+ Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

+ Công ty CP Thủ Thiêm Land

- Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam

Quý I năm 2019

Quý I năm 2018

Lãi hợp tác đầu tư phải trả

420,000,000

- Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả

3,096,252,500

- Công ty CP Thủ Thiêm Land

Thu tiền mượn

4,800,000,000

12,100,000,000

Cộng

4,800,000,000

15,616,252,500

4. Các cam kết khác

Trần Thị Mai Thu
Kế toán trưởng



Lین یی Huang
Tổng giám đốc

Ngày 11 tháng 06 năm 2019